

Số: 488/CNS-TCKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi cục Tài chính doanh nghiệp

**BÁO CÁO GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
SÀI GÒN TNHH MTV**

Tên chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh

Kỳ báo cáo: 6 tháng năm 2018

1. CHI TIẾT ĐÁNH GIÁ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

1.1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm Năm 2017	Năm 2018		Thực hiện 2018/Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018/Thực hiện 2017
			Kế hoạch	Thực hiện		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)=(5)/(3)
	Tổng doanh thu thuần	1.319.946	3.007.937	1.072.057	35,64%	81,22%
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.264.748		1.065.746		84,27%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	30.043		836		2,78%
3	Thu nhập khác	25.155		5.475		21,77%
II	Tổng chi phí	1.228.968	2.893.760	1.017.834	35,17%	82,82%
1	Giá vốn hàng bán	1.137.819		945.222		83,07%
2	Chi phí tài chính	10.669		3.499		32,80%
	<i>Trong đó, lãi vay</i>	<i>1.846</i>		<i>2.487</i>		<i>134,72%</i>
3	Chi phí bán hàng	3		1.033		34433,33%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	77.095		67.326		87,33%
5	Chi phí khác	3.382		754		22,29%
III	Tổng chi phí trên tổng doanh thu (%)	93,11%		94,94%		
	Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp trên tổng doanh thu (%)	5,84%		6,28%		
IV	Tổng lợi nhuận trước thuế	90.978	114.177	54.223	47,49%	59,60%
1	Lợi nhuận thuần từ hoạt động	69.205		49.502		71,53%

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm Năm 2017	Năm 2018		Thực hiện 2018/Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018/Thực hiện 2017
			Kế hoạch	Thực hiện		
	kinh doanh					
2	Lợi nhuận khác	21.773		4.721		21,68%

a. Chỉ tiêu doanh thu:

- Tổng doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 đạt 35,64% so với kế hoạch, giảm 18,78% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

- Cơ cấu doanh thu như sau:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chiếm 99,41% tổng doanh thu, giảm 15,73% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

Doanh thu bán hàng giảm so với cùng năm trước do tình hình kinh doanh của Tổng Công ty tiếp tục bị tác động bởi các yếu tố:

Doanh thu từ tiêu thụ thuốc lá điều chiếm tỷ trọng cao trong tổng doanh thu, tuy nhiên, đây là ngành không được Nhà nước khuyến khích tăng trưởng, thông qua Luật phòng chống tác hại thuốc lá và các chính sách như: in hình cảnh báo, giảm Tar & Nicotine, tăng thuế tiêu thụ đặc biệt hay các chương trình tuyên truyền cộng đồng, xã hội về cảnh báo tác hại thuốc lá, quy định cấm hút thuốc lá tại nhiều địa điểm (trong nhà và trong phạm vi khuôn viên của cơ sở y tế, cơ sở giáo dục,)

Sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị sản xuất thuốc lá trong nước về hình thức, chất lượng, giá cả, các chương trình đầu tư thị trường..., thuốc lá nhập lậu vẫn diễn biến phức tạp về số lượng lẫn chủng loại đã ảnh hưởng đến thị phần thuốc lá nội địa của Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, ngành sản xuất cừ bản nhựa uPVC chủ yếu thực hiện sản xuất phục vụ cho các công trình chống ngập của Thành phố, phụ thuộc các địa phương và kế hoạch ngân sách thực hiện nên bị động về việc thực hiện và ảnh hưởng đến chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

+ Doanh thu hoạt động tài chính chiếm 0,08% tổng doanh thu, giảm 97,22% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

Trong kỳ, Tổng Công ty không có thoái vốn trong khi đó, cùng kỳ năm trước, doanh thu từ thoái vốn tại 1 đơn vị là 20.885 triệu đồng

+ Thu nhập khác chiếm 0,51% tổng doanh thu, giảm 78,23% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

Thu nhập khác giảm so với cùng kỳ năm trước là do 6 tháng đầu năm 2018 không có thu nhập từ thanh lý, chuyển nhượng mặt bằng; trong khi đó, thu nhập từ thanh lý, chuyển nhượng mặt cùng kỳ năm 2017 là 9.748 triệu đồng.

Như vậy, doanh thu thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 chủ yếu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ và Doanh thu giảm so với cùng kỳ năm trước và đạt thấp so với kế hoạch năm là do các nguyên nhân như đã phân tích như trên.

b. Chỉ tiêu chi phí:

- Tổng chi phí thực hiện 6 tháng đầu năm 2018 bằng 35,17% kế hoạch, giảm 17,18% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

Cơ cấu chi phí như sau:

+ Giá vốn hàng bán chiếm 92,87% tổng chi phí, giảm 16,93% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

Sản lượng thuốc lá tiêu thụ trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến Giá vốn hàng bán ghi nhận sẽ thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí tài chính chiếm 0,34% tổng chi phí, giảm 67,20% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

Chi phí tài chính giảm chủ yếu là do khoản chi phí từ hoạt động thoái phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp giảm so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Trong kỳ, Tổng công ty không có chi phí thoái vốn (giá trị đầu tư, chi phí thoái vốn), trong khi khi đó, chi phí thoái vốn cùng kỳ năm trước tại 1 đơn vị là 7.650 triệu đồng.

+ Chi phí bán hàng chiếm 0,10% tổng chi phí, tăng 34.333,33% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,61% tổng chi phí, giảm 12,67% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

+ Chi phí khác chiếm 0,07% tổng chi phí, giảm 77,71% so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017.

Chi phí khác giảm chủ yếu do các khoản chi phí liên quan đến thanh lý tài sản, chuyển nhượng mặt bằng, nhà đất giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Về tỷ lệ chi phí trên doanh thu 6 tháng đầu năm 2018 so với cùng kỳ năm trước:

Do tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty còn gặp khó khăn, theo đó, doanh thu thấp hơn so với 06 tháng cùng kỳ năm trước do tác động của các yếu tố như đã phân tích như trên, nên định phí trên đồng doanh thu cao hơn (chủ yếu là chi phí cố định như chi phí lương, chi phí từ phân bổ, khấu hao, chi phí đóng góp Quỹ phòng chống tác tại thuốc lá tăng từ 1% lên 1,5% từ ngày 01/5/2016...) đã dẫn tới tỷ lệ tổng chi phí trên doanh thu trong kỳ cao hơn so với cùng kỳ năm trước; trong đó, có chi phí quản lý doanh nghiệp, cụ thể:

- Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2018 chiếm 94,94% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017 (93,11%). Tổng Công ty chưa tiết giảm chi phí so với 6 tháng đầu năm 2017.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 6,28% tổng doanh thu thực hiện, có xu hướng tăng so với thực hiện 6 tháng đầu năm 2017 (5,84%). Tổng công ty chưa tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp so với 6 tháng đầu năm 2017

c. Chỉ tiêu lợi nhuận:

Tổng lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty đạt 47,49% kế hoạch, giảm 40,40% so với thực hiện cùng kỳ năm trước.

Như đã phân tích nêu trên, doanh thu 6 tháng đầu năm 2018 thấp so với cùng kỳ năm trước, nên định phí trên đồng doanh thu cao (chủ yếu là các chi phí cố định như tiền lương, chi phí khấu hao...), dẫn đến lợi nhuận thấp.

1.2. Tình hình tài chính của doanh nghiệp:

a. Khả năng sinh lời:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Tỷ lệ TH năm 2018/ TH năm 2017
1	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	90.978	54.223	59,60%
2	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	71.290	45.946	64,45%
3	Vốn chủ sở hữu (<i>tính theo Điều 12 TT 200/2014/TT-BTC</i>)	Triệu đồng	2.577.423	2.643.586	102,57%
4	Tổng tài sản (<i>bình quân đầu kỳ, cuối kỳ</i>)	Triệu đồng	3.440.112	3.487.516	101,38%
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu	%	3,53%	2,05%	58,11%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	2,77%	1,74%	62,84%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)	%	2,07%	1,32%	63,57%

Qua bảng trên cho thấy 6 tháng đầu năm 2018 Tổng công ty có hiệu quả sử dụng vốn thấp hơn 6 tháng đầu năm 2017.

Như đã phân tích nêu trên, doanh thu 6 tháng đầu năm 2018 thấp so với cùng kỳ năm trước nên định phí trên đồng doanh thu cao hơn (chủ yếu là các chi phí cố định như tiền lương, chi phí khấu hao...), dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn trong kỳ hiện nay thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Hiệu quả sử dụng vốn năm sẽ cao hơn hiện nay khi định phí trên đồng doanh thu giảm từ việc tăng doanh thu và tính trên doanh thu cả năm.

b. Khả năng thanh khoản:

Tại thời điểm 30/06/2018 khả năng thanh toán nợ đến hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) của Tổng công ty là 2,21 lần.

Khả năng thanh toán nợ đến hạn lớn hơn 1 cho thấy Tổng Công ty đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ đến hạn.

c. Các chỉ tiêu cân đối nợ:

Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của Tổng công ty tại thời điểm 30/06/2018 là 0,27 nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Khoản 4 Điều 20 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ (nhỏ hơn 3 lần).

d. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng năm 2017	6 tháng năm 2018
I	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.478.533	3.496.498
1	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.707.296	1.531.029
2	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	1.771.237	1.965.470
3	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	49,08%	43,79%
4	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	50,92%	56,21%
II	Tổng nguồn vốn	Triệu đồng	3.478.533	3.496.498
1	Nợ phải trả	Triệu đồng	752.173	730.933
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	2.726.360	2.765.565
3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	21,62%	20,90%
4	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	78,38%	79,10%

- Cơ cấu tài sản:

+ Tài sản dài hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu tổng tài sản của Tổng công ty, chủ yếu là khoản mục tài sản cố định (561.914 triệu đồng), đầu tư tài chính dài hạn (857.833 triệu đồng).

+ Cơ cấu tài sản 6 tháng đầu năm 2018 của doanh nghiệp tương đối ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Về cơ cấu nguồn vốn:

+ Tổng nợ phải trả tại thời điểm 30/06/2018 giảm so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ thấp trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

+ Tổng vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2018 tăng so với cùng kỳ năm trước, chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn của Tổng công ty.

đ. Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Sau khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định, kết quả kinh doanh của Tổng Công ty có lãi, cho thấy Tổng Công ty đã bảo toàn vốn theo quy định tại Khoản 3 Điều 22 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ.

1.3. Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản:

a. Tình hình đầu tư tài sản:

Tổng Công ty đang thực hiện một số dự án cụ thể như sau:

- Dự án 1: Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất khuôn mẫu

+ Tổng mức vốn đầu tư: 506.225 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có và vốn vay

+ Thời gian hoàn thành: 2018

+ Tiến độ thực hiện: 70,40%

- Dự án 2: Dự án cải tạo xưởng sản xuất Nhà máy thuốc lá Khánh Hội

+ Tổng mức vốn đầu tư: 110.811 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có và vốn vay

+ Thời gian hoàn thành: 2018

+ Tiến độ thực hiện: 67,90%

- Dự án 3: Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo hầm ủ phân xưởng sợi

+ Tổng mức vốn đầu tư: 3.963 triệu đồng

+ Nguồn vốn huy động: Vốn tự có

+ Thời gian hoàn thành: 2018

+ Tiến độ thực hiện: 89,81%

b. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

- Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty thực hiện huy động vốn để sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh với tổng mức huy động là 86.319 triệu đồng. Thẩm quyền huy động vốn phù hợp với quy định tại Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, trong đó:

+ Vay của các tổ chức tín dụng : 86.319 triệu đồng.

+ Vay của cá nhân : 0 triệu đồng.

+ Phát hành trái phiếu : 0 triệu đồng.

- Doanh nghiệp huy động vốn để sử dụng vào các mục đích sau:

+ Đầu tư xây dựng cơ bản : 6.319 triệu đồng.

+ Vốn lưu động phục vụ hoạt

động sản xuất kinh doanh : 80.000 triệu đồng.

+ Mục đích khác : 0 triệu đồng.

- Tổng Công ty không có các khoản bảo lãnh vay vốn đối với các công ty con.

c. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp:

- Tổng Công ty thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tổng giá trị là 1.021.276 triệu đồng, bao gồm:

+ Đầu tư vào 5 công ty con : 521.107 triệu đồng

+ Đầu tư vào 13 công ty liên doanh liên kết : 437.817 triệu đồng

+ Đầu tư dài hạn khác : 62.352 triệu đồng

Chu Tiến Dũng